

THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá “Bảo trì thang máy và thay thế vật tư sửa chữa vật tư thang máy năm 2023-2024”.

Bệnh viện Nhi Đồng 2 đang có kế hoạch tổ chức thực hiện gói thầu “Bảo trì thang máy và thay thế vật tư sửa chữa thang máy năm 2023-2024” với nội dung sau:

Tên gói thầu: “Bảo trì thang máy và thay thế vật tư sửa chữa vật tư thang máy năm 2023-2024”

Kính mời các đơn vị/ nhà cung cấp dịch vụ gửi Hồ sơ báo giá theo thông tin sau:

1. Hồ sơ báo giá gồm:

- Thư giới thiệu nộp Hồ sơ báo giá (có đầy đủ thông tin liên hệ với đơn vị/ nhà cung cấp dịch vụ, giấy phép thành lập doanh nghiệp);

- Văn bản chứng minh đơn vị có chức năng trong nội dung đã nêu trên (kèm theo các chứng chỉ, chứng nhận, giấy phép hoạt động, v.v.)

- Các hợp đồng tương tự đã ký kết trong thời gian qua.

- Bảng báo giá có đầy đủ danh mục, nêu rõ chi tiết nội dung công việcv...v...

- Chi tiết dịch vụ và hàng hóa:

+ Dịch vụ bảo trì thang máy (đính kèm danh sách)

+ Thay thế vật tư sửa chữa vật tư thang máy (đính kèm danh sách)

+ Quy trình thực hiện bảo trì, vệ sinh thang máy (đính kèm)

2. **Hình thức nộp:** bản giấy đến Phòng Hành Chính Quản Trị - Bệnh viện Nhi Đồng 2. Các đơn vị có thể khảo sát hiện trạng trong khoảng thời gian 05 ngày làm việc tại Bệnh viện Nhi Đồng 2.

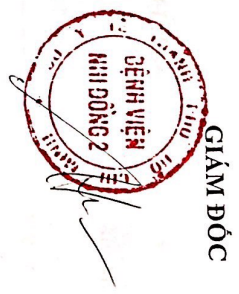
3. **Địa điểm nộp:** Phòng Hành Chính Quản Trị - Bệnh viện Nhi đồng 2, địa chỉ: Công số 4 – 33 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM - 028.38295723 – 219

4. **Hạn nộp Hồ sơ báo giá:** Từ ngày 5/9/2023 đến hết ngày 12/9/2023 (trong giờ hành chính: sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút – chiều từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút).

Trần trọng *Th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HCQT (LTT,3)



BS. CKII TRỊNH HỮU TÙNG

(Danh mục thực hiện ban hành kèm theo thông báo số 1631/TB-BVNĐ2 ngày 06 tháng 9 năm 2023 Về việc mời báo giá gói thầu: Bảo trì thang máy và thay thế vật tư sửa chữa vật tư thang máy năm 2023-2024)

STT	Hạng mục thực hiện	Đơn vị tính	Khối lượng
I. Bảo trì, vệ sinh thang máy			
1	Thang tải bệnh hiệu Fuji (1350 kg, 3 điểm dừng) - Thang B12 – Khoa thần kinh - Thang B13 – Khoa dịch vụ 3 - Thang B14 – Khoa sơ sinh	Lần	36
2	Tải bệnh hiệu Kim Tường (1000 kg, 02 điểm dừng) - Thang Phòng mổ	Lần	12
3	Thang tải bệnh hiệu Đông Dương (1250 kg, 02 điểm dừng) - Thang Khoa ung bướu	Lần	12
4	Thang tải bệnh hiệu Fuji (1600 kg, 07 điểm dừng) - Thang phòng khám: 6 thang	Lần	72
II. Thay thế thiết bị, vật tư:			
Thang máy: FUJI0281 (Thang Phòng Khám - Tải Bệnh)			
1	Cáp tải phi 10 (140 mét/sợi x 5 sợi)	Mét	700
2	Shoes cabin	Bộ	4
3	Shoes đối trọng	Bộ	4
4	Hộp nhót cabin và đối trọng	Bộ	4
5	Bạc đạn puly đầu cabin	Bộ	4
6	Cốt puly đầu cabin	Bộ	2
7	Puly đầu cabin (gia công somi)	Bộ	2

8	Bạc đạn puly truyền phòng máy	Bộ	6
9	Cốt puly truyền phòng máy	Bộ	3
10	Puly phòng máy (gia công somi)	Bộ	3
11	Hộp Gate cửa cabin	Cái	2
12	Quạt cabin	Cái	1
Thang máy: FUJI0282 (Thang Phòng Khám - Tải Bệnh)			
1	Cáp tải phi 10 (140 mét/sợi x 5 sợi)	Mét	700
2	Shoes cabin	Bộ	4
3	Shoes đối trọng	Bộ	4
4	Hộp nhót cabin và đối trọng	Bộ	4
5	Bộ đầu cửa cabin - Bộ đầu cửa Cabin - Động cơ cửa, Biến tần cửa - Yếm cửa, Kiểm cửa - Rail cửa, Bánh xe cửa, Hộp Gate	Bộ	1
6	Bạc đạn puly đầu cabin	Bộ	4
7	Cốt puly đầu cabin	Bộ	2
8	Puly đầu cabin (gia công somi)	Bộ	2
9	Bạc đạn puly truyền phòng máy	Bộ	6
10	Cốt puly truyền phòng máy	Bộ	3
11	Puly phòng máy (gia công somi)	Bộ	3
12	Hộp Gate cửa cabin	Cái	2
13	Quạt cabin	Cái	1
14	Động cơ cửa	Cái	1
Thang máy: FUJI0283 (Thang Phòng Khám - Tải Bệnh)			
1	Cáp tải phi 10 (140 mét/sợi x 5 sợi)	Mét	700
2	Shoes cabin	Bộ	4
3	Shoes đối trọng	Bộ	4

4	Hộp nhót cabin và đối trọng	Bộ	4
5	Bộ đầu cửa cabin - Bộ đầu cửa Cabin - Động cơ cửa, Biến tần cửa - Yếm cửa, Kiểm cửa - Rail cửa, Bánh xe cửa, Hộp Gate	Bộ	1
6	Bạc đạn puly đầu cabin	Bộ	4
7	Cốt puly đầu cabin	Bộ	2
8	Puly đầu cabin (gia công somi)	Bộ	2
9	Bạc đạn puly truyền phòng máy	Bộ	6
10	Cốt puly truyền phòng máy	Bộ	3
11	Puly phòng máy (gia công somi)	Bộ	3
12	Hộp Gate cửa cabin	Cái	2
Thang máy: FUJI0284 (Thang Phòng Khám - Tải Bệnh)			
1	Cáp tải phi 10 (140 mét/sợi x 5 sợi)	Mét	700
2	Shoes cabin	Bộ	4
3	Shoes đối trọng	Bộ	4
4	Hộp nhót cabin và đối trọng	Bộ	4
5	Bạc đạn puly đầu cabin	Bộ	4
6	Cốt puly đầu cabin	Bộ	2
7	Puly đầu cabin (gia công somi)	Bộ	2
8	Bạc đạn puly truyền phòng máy	Bộ	6
9	Cốt puly truyền phòng máy	Bộ	3
10	Puly phòng máy (gia công somi)	Bộ	3
11	Hộp Gate cửa cabin	Cái	2
Thang máy: TM1256 (Thang Tải Bệnh - Khoa Ung Bướu)			

1	Tủ điều khiển - Biến tần 11kw - Card điều khiển SOC - Card phát tốc - Relay & Contactor...	Bộ	1
2	Hộp Domino và INS đầu cabin	Bộ	1
3	Dây dọc hố 2 tầng	Bộ	1
4	Dây cordon 14 ruột	Mét	40
5	Dây cordon 24 ruột	Mét	40
6	Cảm biến dừng tầng	Bộ	1
7	Hộp button cabin hoàn chỉnh	Bộ	1
8	Hộp button tầng hoàn chỉnh	Bộ	2
9	Bộ đầu cửa cabin - Bộ đầu cửa Cabin - Động cơ cửa, Biến tần cửa - Yếm cửa, Kiểm cửa - Rail cửa, Bánh xe cửa, Hộp Gate	Bộ	1
10	Nhớt máy kéo	Lít	9
11	Cáp tải phi 12 (20 mét/sợi x 4 sợi)	Mét	80
12	Puly máy kéo	Cái	1
13	Shoes cabin	Bộ	4
14	Shoes đối trọng	Bộ	4
15	Hộp nhớt cabin và đối trọng	Bộ	4
16	Kiểm định thang máy (Hồ sơ kiểm định - <i>miễn phí</i>)	Thang	1
Thang máy: TM1255 (Thang Phòng Mổ)			
1	Tủ điều khiển - Biến tần 7.5kw - Card điều khiển - Card phát tốc - Relay & Contactor...	Bộ	1

2	Hộp Domino và INS đầu cabin	Bộ	1
3	Dây dọc hố 2 tầng	Bộ	1
4	Dây cordon 14 ruột	Mét	40
5	Dây cordon 24 ruột	Mét	40
6	Cảm biến dừng tầng	Bộ	1
7	Hộp button cabin hoàn chỉnh	Bộ	1
8	Hộp button tầng hoàn chỉnh	Bộ	2
9	Biến tần cửa Monarch	Cái	1
10	Shoes đổi trọng	Bộ	4
11	Nhớt máy kéo	Lít	9
12	Cáp tải phi 12 (20 mét/sợi x 3 sợi)	Mét	60
13	Puly máy kéo	Cái	1
14	Shoes cabin	Bộ	4
15	Hộp nhớt cabin và đổi trọng	Bộ	4
16	Bộ đầu cửa cabin - Bộ đầu cửa Cabin - Động cơ cửa, Biến tần cửa - Yếm cửa, Kiểm cửa - Rail cửa, Bánh xe cửa, Hộp Gate	Bộ	1
17	Kiểm định thang máy (Hồ sơ kiểm định - <i>miễn phí</i>)	Thang	1

B. Quy trình thực hiện bảo trì vệ sinh thang máy

(1 tháng 1 lần Hỗ trợ 1 giờ -2 giờ trong trường hợp đột xuất khi có sự cố)

Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ toàn bộ hệ thống thang máy với tần suất tối thiểu 01 lần/tháng; thay thế các vật tư, thiết bị thuộc phạm vi của gói thầu khi hỏng;

Kiểm tra đánh giá đối với các hạng mục công việc sau:

1. Các công tác trong phòng máy:

1.1. Cầu dao tổng.

- Bảo trì cầu dao tổng trong phòng máy, phải đảm bảo ở trạng thái ngắt ngay khi thang máy dừng tại một điểm dừng nào đó.

- Bảo trì công tắc bảo vệ động cơ bằng bộ cảm nhiệt, thực hiện bôi trơn để tránh bị cháy điểm tiếp xúc.

1.2. Động cơ điện.

- Kiểm tra đánh giá độ êm, độ quá nhiệt của động cơ; tình trạng hoạt động của các vòng bi đảm bảo cho thang hoạt động êm ái, trơn tru.

- Bơm mỡ định kỳ ≥ 01 lần/tháng.

- Siết chặt các chỗ nối điện.

1.3. Hộp số.

- Kiểm tra đánh giá độ êm của hộp số, bánh vít, trục vít và vòng bi hộp số đảm bảo cho thang hoạt động êm ái, trơn tru.

- Bảo trì các đệm cao su giảm xóc.

- Bảo trì các vòng bi đảm bảo chạy êm và kín, nếu không đạt cần phải hiệu chỉnh hoặc thay thế.

- Bôi trơn bánh vít, trục vít và các vòng bi bên ngoài.

1.4. Bộ đếm vận tốc và dây đai.

- Không được tháo rời bộ đếm vận tốc trong bất kỳ trường hợp nào.

- Vệ sinh làm sạch bụi bám.

- Bảo trì than kích điện và vành khuyên, phải thay than kích điện nếu quá mòn.

- Kiểm tra độ căng dây đai, nếu không đảm bảo thì phải tiến hành căn chỉnh lại.

1.5. Puly truyền động.

- Kiểm tra vị trí puly truyền động trên trục dẫn động trong chế độ chịu va đập và chịu tải thường của rãnh dẫn hướng, khắc phục các sai lệch nếu có.

- Siết chặt ốc vít giữa trục và puly truyền động.

1.6. phanh hãm.

- Bảo trì phanh hãm, giảm chấn liên kết và châu điều chỉnh khe hở.

- Kiểm tra độ dày của bộ thắng, tình trạng vòng hãm và pi-nông, sự tự quay của pi-nông về điểm giữa, tình trạng bộ giảm chấn và công tắc, khắc phục sác sai lệch nếu có.

1.7. Bộ không chế tốc độ.

- Kiểm tra và phải đảm bảo khi vận tốc cabin vượt quá tốc độ chuẩn thì phanh cơ an toàn được kích hoạt bởi bộ không chế tốc độ.

- Bảo trì các bộ phận di động và quay.

- Đảm bảo bề mặt tiếp xúc của bánh xe cao su không được dính dầu hoặc mỡ nhờn.

1.8. Công tắc giới hạn hành trình.

- Kiểm tra công tắc giới hạn hành trình có ngắt hoàn toàn dòng điện cung cấp chính nếu cabin vượt quá đoạn hành trình (hướng lên hoặc hướng xuống) hay không; sửa chữa hoặc thay thế.

- Bảo trì các đầu nối cáp và các tiếp điểm.

1.9. Các thiết bị đóng ngắt điện.

- Không được tháo lắp giá đỡ và mạch in khi chưa ngắt dòng điện chính.

- Kiểm tra tính năng cơ khí của các công tắc và rơ-le không chế khi cabin chạy vượt quá đoạn hành trình. Phải đảm bảo cabin luôn di chuyển trong phạm vi cho phép.

- Kiểm tra tính năng điện của các công tắc và rơ-le không chế khi cabin rơi.

- Kiểm tra dòng điện tại tiếp điểm của công-tắc.

- Kiểm tra công tắc phụ ngắt mạch.

- Các công tắc bị hỏng hoặc cháy phải được thay thế.

- Chỉ được dùng chổi quét bụi thật khô để làm vệ sinh cho hộp ngắt điện. Cần thận tối đa khi vệ sinh các bộ phận điện tử và bảng mạch điện.

1.10. Vệ sinh phòng máy.

- Thực hiện vệ sinh phòng máy định kỳ ≥ 01 lần/tháng.

- Sau khi làm vệ sinh phòng máy, thực hiện lau chùi hộp giảm tốc, động cơ, pu-li chuyển hướng và bộ không chế tốc độ.

2. Các công tác trong hố thang.

2.1. Ray dẫn hướng cabin.

- Bảo trì các chi tiết nối ray dẫn hướng, các mẫu kẹp và vòng đệm.

- Làm vệ sinh ray dẫn hướng.

2.2. Ray dẫn hướng đôi trọng.

- Bảo trì các chi tiết nối ray dẫn hướng, các máu kẹp và vòng đệm.
- Làm vệ sinh ray dẫn hướng.
- Kiểm tra độ căng cáp dẫn hướng.

2.3. Đầu móc cáp treo cabin và đôi trọng.

- Bảo trì lò xo, đai ốc chịu lực, các then khoá và độ chịu xoắn an toàn của các bu-lông treo.
- Nếu móc cáp treo và đai ốc chịu lực có vết nứt hay biến dạng phải thay thế.

2.4. Cáp treo và cáp bù.

- Kiểm tra số sợi thép bị đứt trên dây cáp.
- Kiểm tra tình trạng tự bôi trơn và tự tẩm dầu.
- Kiểm tra và đảm bảo độ căng của mỗi sợi thép phải bằng nhau, nếu không đạt thì tiến hành căn chỉnh lại.
- Nếu cáp đứt một tao, phải thay ngay lập tức.
- Nếu số sợi thép bị đứt tính trên mỗi mét vượt quá 10% tổng số sợi thép trên cáp thì sợi cáp đó phải được thay thế.
- Kiểm tra đường kính sợi cáp phải luôn đảm bảo trong giới hạn cho phép và đưa ra phương án xử lý hiệu quả trong trường hợp đường kính sợi cáp không còn đảm bảo kích cỡ theo quy định.

2.5. Puli treo, pu-li chuyên hướng và khung pu-li.

- Kiểm tra pu-li treo và pu-li chuyên hướng nếu có vết nứt rạn hay biến dạng méo mó các rãnh dẫn hướng phải tiến hành sửa chữa hoặc thay thế.
- Bảo trì, bôi trơn các vòng bi.
- Kiểm tra, căn chỉnh và siết chặt lại các ốc vít khung pu-li.
- Bơm mỡ định kỳ ≥ 01 lần/tháng.

2.6. Cabin.

- Kiểm tra xem cabin vận hành êm hay không bằng cách cho chạy thử vài đoạn hành trình. Khắc phục, sửa chữa, thay thế để đảm bảo thang máy luôn vận hành êm ái, trơn tru.
- Bảo trì các chức năng của các công-tắc an toàn, các nút nhấn báo động và ngừng, hệ thống chiếu sáng và đèn tín hiệu trong cabin.
- Bảo trì các chức năng điều khiển bên trong cabin.

- Đối với những cabin có hệ thống cửa tự động, tiến hành bảo trì cửa để đảm bảo cửa luôn được đóng mở bình thường; bảo trì các chức năng khoá, công-tắc cửa, thiết bị mất thân an toàn cửa cũng như hệ thống liên kết với cửa tầng.

2.7. Công tắc từ và nam châm.

- Bảo trì công-tắc từ và nam châm (lá cờ kim loại) để đảm bảo khoảng cách thích hợp giúp thang máy vận hành chuẩn xác và không ảnh hưởng đến các thiết bị khác của hệ thống.

2.8. Chốt cam và chốt cam đóng mở cửa.

- Bảo trì các tấm chắn cao su và hệ thống giảm chấn, vệ sinh bộ phận truyền động.

- Kiểm tra các chốt cam đóng mở cửa.

2.9. Phanh cơ an toàn.

- Bảo trì các chức năng của nêm an toàn và công tắc an toàn, điều kiện làm việc của dây cáp bộ khống chế tốc độ và các chi tiết nối, pu-li căng dây và công tắc báo dây cáp đứt trong hố thang.

2.10. Đế ray dẫn hướng.

- Kiểm tra khoảng cách giữa ray dẫn hướng với cabin và điều chỉnh nếu thấy cần thiết để đảm bảo thang vận hành an toàn, trơn tru.

- Bảo trì thanh kẹp guốc dẫn hướng, thay thế trong trường hợp khe hở quá lớn.

- Kiểm tra khoảng cách giữa cabin và bánh xe dẫn hướng.

2.11. Đối trọng.

- Đảm bảo các bộ phận của đối trọng phải được cố định và siết chặt.

- Đế ray dẫn hướng của đối trọng: thực hiện như Mục 2.10.

2.12. Xích bù hoặc cáp bù.

- Kiểm tra tình trạng treo và hoạt động của xích hoặc cáp.

2.13. Dây cáp điện vận hành.

- Kiểm tra các chi tiết nối cáp và cáp di chuyển có êm hay không.

2.14. Bộ kích hoạt công-tắc giới hạn đoạn hành trình.

- Bảo trì đòn bẩy và bánh xe dẫn động, dây cáp và các chi tiết nối cáp, điều chỉnh nếu thấy cần thiết.

2.15. Bộ giảm chấn khi cabin vượt quá đoạn hành trình.

- Kiểm tra khả năng làm việc của bộ giảm chấn trong trường hợp cabin vượt quá đoạn hành trình.

2.16. Pu-li căng dây.

- Vệ sinh pu-li căng dây.

- Bảo dưỡng các chi tiết nối, kiểm tra khoảng cách giữa pu-li và đáy hồ thang và khả năng hoạt động của công-tắc báo dây cáp đứt.

2.17. Đáy hồ thang.

- Vệ sinh đáy hồ thang; không được để đáy hồ thang có rác.

2.18. Cửa tầng.

a). Đối với cửa trượt tự động đóng một cánh:

- Bảo trì và lau chùi khoá cửa, công tắc cửa và con lăn.

- Bảo trì cơ cấu đóng cửa và bộ giảm chấn.

- Vệ sinh bộ phận treo cửa và ray dẫn hướng dưới cửa.

- Đảm bảo cửa đóng mở nhẹ và êm.

b). Đối với cửa trượt tự động đóng hai cánh (cửa mở sang hai bên):

- Bảo trì và lau chùi khoá cửa, công tắc cửa và con lăn.

- Bảo trì cơ cấu đóng cửa và bộ giảm chấn.

- Vệ sinh bộ phận treo cửa và ray dẫn hướng dưới cửa.

- Đảm bảo cửa đóng mở nhẹ và êm.

c). Đối với cửa trượt theo phương thẳng đứng:

- Kiểm tra và lau chùi khoá cửa, công tắc cửa.

- Lau chùi và bôi trơn các thanh trượt và xích pu-li

- Kiểm tra kính cửa sổ trên bảng điều khiển không bị nứt vỡ.

2.19. Bộ điều khiển ngoại vi, bảng hiển thị.

- Kiểm tra chức năng của bộ điều khiển ngoại vi và các đèn hiển thị.

- Bảo trì và siết chặt các ốc vít.